

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 42
8. Phụ lục	43 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-8) 37 507 496
- Fax : (84-8) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2007
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2007
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2007



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2007
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2007

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2013
Ông Bùi Thế Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2008
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2007
Ông Văn Tất Chiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2007

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Kỳ - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

1449315
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
& C
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2. Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0719/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 17 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		699.374.552.430	706.050.008.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.945.594.972	1.432.201.175
1. Tiền	111		4.945.594.972	1.432.201.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		646.278.490.023	650.234.258.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	496.341.671.671	496.365.206.814
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.513.955.966	7.300.895.209
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	91.881.103.364	91.881.103.364
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	74.996.288.615	73.741.582.739
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.454.529.593)	(19.054.529.593)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	47.866.202.029	53.028.677.202
1. Hàng tồn kho	141		48.270.004.924	53.832.134.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(403.802.895)	(803.456.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.265.406	1.354.871.850
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	282.959.261	1.027.519.546
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.306.145	327.352.304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454.602.576.485	452.497.329.748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000.000	35.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000.000	35.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		96.129.387.614	93.960.945.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	89.916.653.008	88.671.391.742
- Nguyên giá	222		208.639.055.260	201.071.412.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.722.402.252)	(112.400.020.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.212.734.606	5.289.554.005
- Nguyên giá	228		8.433.940.878	7.413.228.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.221.206.272)	(2.123.674.373)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		285.809.498.984	285.593.773.530
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	285.080.203.530	285.045.203.530
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	729.295.454	548.570.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.296.296.825	36.296.296.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	26.971.296.825	26.971.296.825
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	9.325.000.000	9.325.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.367.393.062	1.646.313.646
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.222.877.199	1.416.285.920
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	144.515.863	230.027.726
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.153.977.128.915	1.158.547.338.508

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		442.283.934.231	464.482.265.865
I. Nợ ngắn hạn	310		219.381.100.981	241.579.432.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	13.648.518.299	16.183.487.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	890.082.660	1.036.519.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.283.666.981	2.255.873.041
4. Phải trả người lao động	314		1.244.156.234	2.462.801.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2.098.565.886	2.360.326.145
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	46.787.406.457	44.100.392.470
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	151.428.704.464	173.180.032.404
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.902.833.250	222.902.833.250
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b,c	222.902.833.250	222.902.833.250
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.693.194.684	694.065.072.643
I. Vốn chủ sở hữu	410		711.693.194.684	694.065.072.643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	370.844.196.184	353.216.074.143
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		353.216.074.143	353.216.074.143
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17.628.122.041	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.153.977.128.915	1.158.547.338.508

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	365.166.153.656	275.187.772.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	40.715.268.803	35.801.873.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		324.450.884.853	239.385.899.456
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	258.798.599.348	177.960.248.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.652.285.505	61.425.650.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.268.857.510	4.639.798.224
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.707.759.014	7.593.013.383
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.500.635.679	6.919.526.153
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	34.060.599.647	21.070.759.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.263.331.055	5.224.505.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.889.453.299	32.177.171.064
11. Thu nhập khác	31		40.402.152	7.884.850
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		40.402.152	7.884.850
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.929.855.451	32.185.055.914
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1.216.221.547	4.635.674.617
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	85.511.863	(972.275.500)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.628.122.041</u>	<u>28.521.656.797</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.280</u>	<u>2.071</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1.280</u>	<u>2.071</u>


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015


 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.929.855.451	32.185.055.914
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	6.419.913.530	6.688.913.731
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	3.000.345.936	(57.678.570)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	113.084.108	272.170.586
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(2.148.695.940)	(4.632.388.915)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.500.635.679	6.919.526.153
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.815.138.764	41.375.598.899
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.659.764.051	(26.007.431.160)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.527.129.237	(25.850.539.484)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		128.227.270	30.398.584.728
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		937.969.006	45.841.431
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18 ; VI.5	(6.165.046.895)	(6.431.871.135)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.238.489.276)	(1.419.327.669)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.664.692.157	12.110.855.610
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10, 12	(8.769.080.851)	(574.964.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.145.740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	655.575.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	370.746.558	318.918.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.398.334.293)	299.383.576

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20 261.017.171.939	177.272.945.143
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20 (282.768.499.879)	(191.231.075.333)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.751.327.940)	(13.958.130.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.515.029.924	(1.547.891.004)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 1.432.201.175	6.125.237.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.636.127)	607.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.945.594.972	4.577.953.818

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỹ
Tổng Giám đốc

49815-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
& C
PHỐ CH...

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất mua bán dược phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt có trụ sở chính tại Lô I-5C đường N-7, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 21,58%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 258 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 309 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác là chi phí mua sản phẩm khuyến mãi và được phân bổ vào chi phí khi xuất sử dụng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	222.386.599	575.148.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.723.208.373	857.052.973
Cộng	<u>4.945.594.972</u>	<u>1.432.201.175</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>481.126.767.244</i>	<i>471.462.581.063</i>
Công ty TNHH được phẩm Đồ Thành	481.126.767.244	471.462.581.063
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>15.214.904.427</i>	<i>24.902.625.751</i>
Các khách hàng khác	15.214.904.427	24.902.625.751
Cộng	<u>496.341.671.671</u>	<u>496.365.206.814</u>

Các khoản phải thu khách hàng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Hồng Vân	-	1.800.000.000
Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Kiến Toàn Việt	1.024.787.914	1.024.787.914
Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Tân Liên Minh	840.000.000	840.000.000
Kyowa Hakko Kirin Co., Ltd.	-	807.048.000
Các nhà cung cấp khác	3.649.168.052	2.829.059.295
Cộng	<u>5.513.955.966</u>	<u>7.300.895.209</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	54.881.103.364	54.881.103.364
Cho Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành vay với lãi suất 7,2%/năm	5.766.479.525	5.766.479.525
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất 7,2%/năm	49.114.623.839	49.114.623.839
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	37.000.000.000	37.000.000.000
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn A.S.V vay	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	91.881.103.364	91.881.103.364

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	27.860.722.308	-	26.097.132.926	-
Ông Đào Hữu Hoàng - Tiền lãi cho vay	27.842.160.658	-	26.064.211.276	-
Ông Đào Hữu Hoàng - Tạm ứng	18.561.650	-	32.921.650	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	47.135.566.307	-	47.644.449.813	-
Công ty cổ phần Tập đoàn A.S.V - Tiền lãi cho vay	31.370.000.000	-	31.370.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phiếu	14.205.000.000	-	14.205.000.000	-
Tạm ứng	555.992.389	-	485.901.615	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.004.573.918	-	1.583.548.198	-
Cộng	74.996.288.615	-	73.741.582.739	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành - Góp vốn thực hiện dự án mở đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành - Góp vốn thực hiện dự án mở đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Cộng	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH được phẩm Đồ Thành, Công ty sẽ được chia lợi nhuận từ các dự án này. Tuy nhiên đến nay các dự án này vẫn chưa được triển khai.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc		
Công ty cổ phần Tập đoàn A.S.V - Phải thu tiền cho vay	15 tháng	37.000.000.000	22.500.000.000	9 tháng	37.000.000.000	25.900.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị - Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	1 năm đến dưới 2 năm	11.453.833.744	5.726.916.872	1 năm đến dưới 2 năm	11.453.833.744	5.726.916.872
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 2 năm	2.392.166.883	164.554.162	Trên 2 năm	2.392.166.883	164.554.162
Cộng		50.846.000.627	28.391.471.034		50.846.000.627	31.791.471.034

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(19.054.529.593)	(1.685.223.035)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.400.000.000)	-
Số cuối kỳ	(22.454.529.593)	(1.685.223.035)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	495.250.640	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.343.157.540	(403.802.895)	25.268.774.387	(803.456.959)
Công cụ, dụng cụ	47.712.893	-	47.329.739	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.392.971.048	-	8.250.676.986	-
Thành phẩm	777.143.572	-	953.770.286	-
Hàng hóa	20.709.019.871	-	18.816.332.123	-
Cộng	48.270.004.924	(403.802.895)	53.832.134.161	(803.456.959)

Toàn bộ hàng hóa tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

Giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho ứ đọng không có khả năng tiêu thụ cuối kỳ là 403.802.895 VND (số đầu năm là 803.456.959 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(803.456.959)	(985.801.082)
Hoàn nhập dự phòng	399.654.064	57.678.570
Số cuối kỳ	<u>(403.802.895)</u>	<u>(928.122.512)</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	58.463.034	323.051.186
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	224.496.227	704.468.360
Cộng	<u>282.959.261</u>	<u>1.027.519.546</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	327.900.778	73.821.273
Bản quyền công nghệ	894.976.421	1.342.464.647
Cộng	<u>1.222.877.199</u>	<u>1.416.285.920</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	73.072.743.261	125.305.816.571	1.653.160.191	1.039.692.340	201.071.412.363
Mua trong kỳ	-	5.721.822.897	-	-	5.721.822.897
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	1.845.820.000	-	1.845.820.000
Số cuối kỳ	<u>73.072.743.261</u>	<u>131.027.639.468</u>	<u>3.498.980.191</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>208.639.055.260</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.037.131.069	33.975.332.717	323.060.217	1.039.692.340	38.375.216.343
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.706.281.576	89.059.905.623	594.141.082	1.039.692.340	112.400.020.621
Khấu hao trong kỳ	1.426.975.458	4.713.537.431	181.868.742	-	6.322.381.631
Số cuối kỳ	<u>23.133.257.034</u>	<u>93.773.443.054</u>	<u>776.009.824</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>118.722.402.252</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.366.461.685	36.245.910.948	1.059.019.109	-	88.671.391.742
Số cuối kỳ	<u>49.939.486.227</u>	<u>37.254.196.414</u>	<u>2.722.970.367</u>	<u>-</u>	<u>89.916.653.008</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 34.677.873.271 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.281.897.278	131.331.100	7.413.228.378
Mua trong kỳ	1.020.712.500	-	1.020.712.500
Số cuối kỳ	8.302.609.778	131.331.100	8.433.940.878
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	48.078.900	48.078.900
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.061.720.105	61.954.268	2.123.674.373
Khấu hao trong kỳ	87.125.373	10.406.526	97.531.899
Số cuối kỳ	2.148.845.478	72.360.794	2.221.206.272
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.220.177.173	69.376.832	5.289.554.005
Số cuối kỳ	6.153.764.300	58.970.306	6.212.734.606
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.20).

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí liên quan đến dự án khu nhà ở Long Trường.

Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m² tại phường Long Trường, quận 9, TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 10006/UBND-QLDT của Ủy ban Nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

Ngày 14 tháng 01 năm 2012 Công ty cổ phần S.P.M (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý nên chưa bàn giao dự án theo thỏa thuận của hợp đồng hợp tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	488.570.000	2.026.545.454	(1.845.820.000)	669.295.454
Xây dựng cơ bản dở dang (<i>Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ</i>)	60.000.000	-	-	60.000.000
Cộng	548.570.000	2.026.545.454	(1.845.820.000)	729.295.454

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>26.971.296.825</i>	-	-	<i>26.971.296.825</i>	-	-
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt ⁽ⁱ⁾	26.971.296.825	-	-	26.971.296.825	-	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>9.325.000.000</i>	-	-	<i>9.325.000.000</i>	-	-
Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-
Công ty cổ phần dược thiết bị y tế Đà Nẵng	2.025.000.000	-	-	2.025.000.000	-	-
Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim	550.000.000	-	-	550.000.000	-	-
Cộng	36.296.296.825	-	-	36.296.296.825	-	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 ngày 09 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt 37.500.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 26.971.296.825 VND, tương đương 21,58% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 10.528.703.175 VND.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt hiện nay vẫn chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	230.027.726	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(85.511.863)	934.014.185
Số cuối kỳ	144.515.863	934.014.185

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 7,5%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.704.578.768
Các nhà cung cấp khác	13.648.518.299	14.478.908.903
Cộng	13.648.518.299	16.183.487.671

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trần Toàn Phát	881.851.800	1.036.485.000
Các khách hàng khác	8.230.860	34.650
Cộng	890.082.660	1.036.519.650

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	57.990.689	1.127.004.863	(57.990.689)	1.127.004.863
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.671.498.982	(1.671.498.982)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	340.777.390	(333.938.470)	6.838.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.681.329	1.216.221.547	(1.238.489.276)	1.899.413.600
Thuế thu nhập cá nhân	257.096.400	176.351.175	(202.142.600)	231.304.975
Tiền sử dụng đất	-	1.020.712.500	(1.020.712.500)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.104.623	-	-	19.104.623
Cộng	2.255.873.041	5.555.566.457	(4.527.772.517)	3.283.666.981

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm	05 %
- Hoạt động khác	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 154/CN-KCN-HCM ngày 09 tháng 8 năm 2001 và Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000113 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 1: Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.
- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 2 (hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2008 và bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2009): Công ty được miễn thuế 03 năm (từ năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.929.855.451	32.185.055.914
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.674.339.724	6.119.417.612
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.387.907.886)	(3.244.249.690)
Thu nhập tính thuế	16.216.287.289	35.060.223.836
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>3.567.583.204</i>	<i>7.713.249.244</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.135.140.110)</i>	<i>(1.485.725.682)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(1.216.221.547)</i>	<i>(1.591.848.945)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>1.216.221.547</i>	<i>4.635.674.617</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	<i>-</i>	<i>36.515.484</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.216.221.547	4.672.190.101

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền sử dụng đất

Công ty phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 2.637,5 m² đất đang sử dụng tại thửa đất số 45 phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh với mức 600.000 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	933.653.171	624.671.374
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành - Chi phí bù thầu	933.653.171	624.671.374
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.164.912.715	1.735.654.771
Chi phí lãi vay phải trả	171.687.711	836.098.927
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	993.225.004	899.555.844
Cộng	2.098.565.886	2.360.326.145

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	1.212.154.326	112.519.598
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi	1.212.154.326	112.519.598
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	45.575.252.131	43.987.872.872
Tài sản thừa chờ giải quyết	279.123.898	279.123.898
Bảo hiểm xã hội	775.961.297	772.319.147
Cổ tức phải trả	41.773.634.750	41.773.634.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.746.532.186	1.162.795.077
Cộng	46.787.406.457	44.100.392.470

19b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền nhận từ các đối tác để thực hiện dự án khu nhà ở Long Trường. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
Cộng	222.902.833.250	222.902.833.250

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng:				
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phủ Thọ ⁽ⁱ⁾	99.992.212.339	99.992.212.339	96.837.741.566	96.837.741.566
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	25.492.200.000	25.492.200.000
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.436.492.125	21.436.492.125	21.108.594.305	21.108.594.305
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	29.741.496.533	29.741.496.533
Cộng	151.428.704.464	151.428.704.464	173.180.032.404	173.180.032.404

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Thư bảo lãnh của Ông Đào Hữu Hoàng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương với giá trị là 23.061.500.000 VND; Các khoản bảo hiểm liên quan đến tài sản đang có hoặc sẽ có với tổng giá trị không thấp hơn 1.000.000,00 USD; Các khoản phải thu khách hàng và hàng hóa tồn trong kho (xem thuyết minh số V.2 và V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	173.180.032.404	157.254.283.109
Số tiền vay phát sinh	261.017.171.939	177.272.945.143
Số tiền vay đã trả	(282.768.499.879)	(191.231.075.333)
Số cuối kỳ	151.428.704.464	143.296.152.919

20b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	317.845.486.034	658.694.484.534
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	28.521.656.797	28.521.656.797
Khác	-	-	-	(36.515.484)	(36.515.484)
Số dư cuối kỳ trước	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>346.330.627.347</u>	<u>687.179.625.847</u>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	353.216.074.143	694.065.072.643
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	-	17.628.122.041	17.628.122.041
Số dư cuối kỳ này	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>370.844.196.184</u>	<u>711.693.194.684</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đào Hữu Hoàng	25.500.000.000	25.500.000.000
Bà Đỗ Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	9.000.000.000	9.000.000.000
Các cổ đông khác	95.500.000.000	95.500.000.000
Cộng	<u>140.000.000.000</u>	<u>140.000.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Công ty bao gồm 1.459,66 USD (số đầu năm là 1.236,61 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	191.070.593.707	95.273.239.270
Doanh thu bán thành phẩm	173.222.832.679	179.041.806.297
Doanh thu cho thuê tài sản	872.727.270	872.727.270
Cộng	365.166.153.656	275.187.772.837

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH được phẩm Đô Thành với số tiền là 305.000.901.184 VND (cùng kỳ năm trước là 217.366.460.217 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	2.633.342.171	2.729.484.433
Hàng bán bị trả lại	38.081.926.632	33.072.388.948
Cộng	40.715.268.803	35.801.873.381

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	185.053.492.341	91.528.262.083
Giá vốn của thành phẩm đã bán	74.144.761.071	86.489.665.336
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(399.654.064)	(57.678.570)
Cộng	258.798.599.348	177.960.248.849

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.573.856	6.283.159
Lãi tiền cho vay	1.986.695.940	4.632.388.915
Cổ tức được chia	162.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	114.587.714	1.126.150
Cộng	2.268.857.510	4.639.798.224

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.500.635.679	6.919.526.153
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	94.039.227	401.316.644
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	113.084.108	272.170.586
Cộng	5.707.759.014	7.593.013.383

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	820.192.630	178.961.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.869.210	159.124.818
Chi phí bù thầu	16.602.615.859	4.293.998.555
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị	16.422.151.228	16.315.818.550
Các chi phí khác	1.770.720	122.855.235
Cộng	34.060.599.647	21.070.759.078

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.602.593.848	2.466.957.725
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	478.205.162	266.880.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.384.366	167.556.443
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	3.400.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.676.107.021	1.814.699.013
Các chi phí khác	812.040.658	505.412.015
Cộng	9.263.331.055	5.224.505.306

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	85.511.863	(934.014.185)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(38.261.315)
Cộng	85.511.863	(972.275.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.628.122.041	28.521.656.797
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	17.628.122.041	28.521.656.797
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.280	2.071

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.861.561.591	88.149.258.161
Chi phí nhân công	10.173.820.429	9.520.445.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.419.913.530	6.688.913.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.046.197.906	5.589.591.027
Chi phí khác	36.841.924.401	22.107.047.041
Cộng	119.343.417.857	132.055.255.655

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.745.454.545	1.745.454.545
Trên 1 năm đến 5 năm	436.363.636	1.309.090.909
Cộng	2.181.818.181	3.054.545.454

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho vay	-	100.145.740
Lãi cho vay	1.777.949.382	2.648.470.559

Cam kết bảo lãnh

Ông Đào Hữu Hoàng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương đã bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.061.500.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 925.283.250 VND (cùng kỳ năm trước là 964.981.050 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành	Chủ đầu tư của Công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết. Ngoài giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH được phẩm Đô Thành như đã trình bày tại thuyết minh số V.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch sau với Công ty TNHH được phẩm Đô Thành:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	208.746.558	324.870.817
Phải trả chương trình khuyến mãi và dịch vụ khác	6.301.842.386	-
Mua tài sản cố định	5.232.727.272	-
Mua nguyên liệu, hàng hóa	2.042.548.481	2.797.308.528
Bù giá do chênh lệch đầu thầu	14.190.976.486	4.293.998.555

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở số V.2, V.4, V.5b, V.18 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê nhà kho.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	322.055.465.453	237.113.062.160
Myanmar	1.961.071.900	1.736.622.563
Hàn Quốc	434.347.500	536.214.733
Cộng	324.450.884.853	239.385.899.456

4. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	Số liệu trước	Phân loại lại	Số liệu
	trình bày lại		trình bày lại
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ			
Đầu tư ngắn hạn	91.881.103.364	(91.881.103.364)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(11.100.000.000)	11.100.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	91.881.103.364	91.881.103.364
Phải thu ngắn hạn khác	73.222.759.474	518.823.265	73.741.582.739
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.954.529.593)	(11.100.000.000)	(19.054.529.593)
Tài sản ngắn hạn khác	518.823.265	(518.823.265)	-
Phải thu dài hạn khác	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	44.325.000.000	(44.325.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	9.325.000.000	9.325.000.000

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 96,93% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 94,98%). Các khách hàng khác có số dư dưới 2% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty khác và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản cho công ty khác vay là cao do tình hình khó khăn của thị trường bất động sản.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.945.594.972	-	-	4.945.594.972
Phải thu khách hàng	428.655.757.096	53.839.913.948	13.846.000.627	496.341.671.671
Các khoản cho vay	54.881.103.364	-	37.000.000.000	91.881.103.364
Các khoản phải thu khác	51.987.523.300	57.434.211.276	-	109.421.734.576
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.325.000.000	-	-	9.325.000.000
Cộng	549.794.978.732	111.274.125.224	50.846.000.627	711.915.104.583
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.432.201.175	-	-	1.432.201.175
Phải thu khách hàng	367.794.509.649	114.724.696.538	13.846.000.627	496.365.206.814
Các khoản cho vay	54.881.103.364	-	37.000.000.000	91.881.103.364
Các khoản phải thu khác	49.287.921.140	57.434.211.276	-	106.722.132.416
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.325.000.000	-	-	9.325.000.000
Cộng	482.720.735.328	172.158.907.814	50.846.000.627	705.725.643.769

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 6 tháng	Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Cộng
Số cuối kỳ						
Phải thu khách hàng	39.993.913.321	-	11.467.502.315	897.256.507	1.481.241.805	53.839.913.948
Các khoản phải thu khác	6.276.290.399	27.299.445.947	22.873.474.930	985.000.000	-	57.434.211.276
Cộng	46.270.203.720	27.299.445.947	34.340.977.245	1.882.256.507	1.481.241.805	111.274.125.224
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	103.709.027.123	11.015.669.415	-	-	-	114.724.696.538
Các khoản phải thu khác	1.962.819.840	2.648.470.559	24.113.777.496	20.190.568.312	8.518.575.069	57.434.211.276
Cộng	105.671.846.963	13.664.139.974	24.113.777.496	20.190.568.312	8.518.575.069	172.158.907.814

5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh là từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.459,66	1.236,61
Phải thu khách hàng	3.036,93	-
Phải trả người bán	(90.723,00)	(88.143,00)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(86.226,41)	(86.906,39)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản cho vay	91.881.103.364	91.881.103.364
Vay và nợ	(151.428.704.464)	(173.180.032.404)
Nợ phải trả thuần	(59.547.601.100)	(81.298.929.040)

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

5d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2 và V.20).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.945.594.972	-	1.432.201.175	-	4.945.594.972	1.432.201.175
Phải thu khách hàng	496.341.671.671	(7.954.529.593)	496.365.206.814	(7.954.529.593)	488.387.142.078	488.410.677.221
Các khoản cho vay	91.881.103.364	(14.500.000.000)	91.881.103.364	(11.100.000.000)	77.381.103.364	80.781.103.364
Các khoản phải thu khác	109.421.734.576	-	106.722.132.416	-	109.421.734.576	106.722.132.416
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.325.000.000	-	9.325.000.000	-	9.325.000.000	9.325.000.000
Cộng	711.915.104.583	(22.454.529.593)	705.725.643.769	(19.054.529.593)	689.460.574.990	686.671.114.176

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	151.428.704.464	173.180.032.404	151.428.704.464
Phải trả người bán	13.648.518.299	16.183.487.671	13.648.518.299	16.183.487.671
Các khoản phải trả khác	47.830.887.148	45.409.275.570	47.830.887.148	45.409.275.570
Cộng	212.908.109.911	234.772.795.645	212.908.109.911	234.772.795.645

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	132.507.563.876	191.070.593.707	872.727.270	-	324.450.884.853
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.507.563.876	191.070.593.707	872.727.270	-	324.450.884.853
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.851.916.648	(14.041.339.835)	781.109.045	-	31.591.685.858
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.263.331.055)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					22.328.354.803
Doanh thu hoạt động tài chính					2.268.857.510
Chi phí tài chính					(5.707.759.014)
Thu nhập khác					40.402.152
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.216.221.547)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(85.511.863)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					17.628.122.041
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.128.436.870	-	-	-	9.128.436.870
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.972.678.270	-	-	-	6.972.678.270
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	3.000.345.936	-	-	-	3.000.345.936

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	143.239.932.916	96.145.966.540	-	-	239.385.899.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.239.932.916	96.145.966.540	-	-	239.385.899.456
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.199.959.950	(3.845.068.421)	-	-	40.354.891.529
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(5.224.505.306)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					35.130.386.223
Doanh thu hoạt động tài chính					4.639.798.224
Chi phí tài chính					(7.593.013.383)
Thu nhập khác					7.884.850
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.635.674.617)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					972.275.500
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					28.521.656.797
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.754.964.040	-	-	-	6.754.964.040
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.191.767.911	-	-	-	7.191.767.911
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

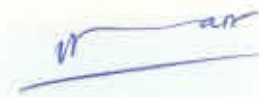
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	771.886.013.717	20.709.019.871	320.140.203.530	-	1.112.735.237.118
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					41.241.891.797
Tổng tài sản					1.153.977.128.915
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	214.853.277.766	-	222.902.833.250	-	437.756.111.016
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.527.823.215
Tổng nợ phải trả					442.283.934.231
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	463.162.883.003	185.190.439.335	285.045.203.530	-	933.398.525.868
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					225.148.812.640
Tổng tài sản					1.158.547.338.508
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	199.805.797.865	-	222.902.833.250	-	422.708.631.115
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					41.773.634.750
Tổng nợ phải trả					464.482.265.865


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

Nguyễn Thế Ký
Tổng Giám đốc